



---

---

---

---

---

---

---

Mục tiêu nghiên cứu:



- 6.1 Các chính sách kiểm soát giá của chính phủ
- 6.2 Chính sách thuế
- 6.3 Chi phí xã hội của thuế

---

---

---

---

---

---

---

6.1 Các chính sách kiểm soát giá



- 6.1.1 Chính sách giá trần
- 6.1.2 Chính sách giá sàn

---

---

---

---

---

---

---

### 6.1.1 Chính sách giá trần (Price Ceiling)

#### a. Khái niệm:

Chính sách giá trần là quy định của chính phủ về mức giá bán tối đa với một hàng hóa hay dịch vụ.

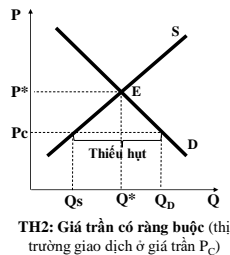
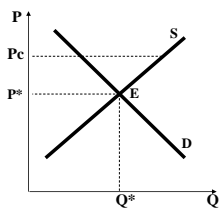
#### Điều kiện áp dụng:

- Giá một hàng hoá đang ở mức quá cao hoặc tăng giá đột biến gây bất lợi cho người tiêu dùng.
- Các mặt hàng thiết yếu như gạo; điện, xăng...
- Các mặt hàng mang tính xã hội.

→ Mục tiêu bảo vệ cho lợi ích của người mua

### 6.1.1 Chính sách giá trần (tiếp)

#### b. Tác động của chính sách giá trần:



Hình 6.1 Thị trường với giá trần

#### b. Tác động của chính sách giá trần (tiếp):

#### Ảnh hưởng phát sinh từ giá trần ràng buộc:

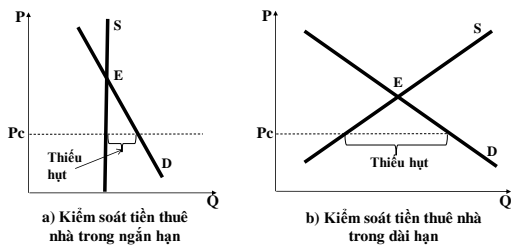
- Xếp hàng rất phổ biến
- Phân biệt đối xử
- Không phải toàn bộ người tiêu dùng đều hưởng lợi
- Chất lượng hàng hoá ngày càng giảm

**Nhận xét:** Giá trần có ràng buộc gây ra tình trạng thiếu hụt hàng hoá → người bán phải phân phối lượng hàng hóa khan hiếm cho một số lớn người mua → cơ chế phân phối trong điều kiện thiếu hụt là không hiệu quả.



## 6.1.1 Chính sách giá trần (tiếp)

### c. **Tình huống: Chính sách kiểm soát tiền thuê nhà.**



Hình 6.2: Chính sách kiểm soát tiền thuê nhà trong ngắn hạn và dài hạn

## 6.1.2 Chính sách giá sàn (Price Floor)

### a. **Khái niệm:**

Chính sách giá sàn là quy định của chính phủ về mức giá bán tối thiểu đối với một hàng hóa hay dịch vụ.

#### Điều kiện áp dụng:

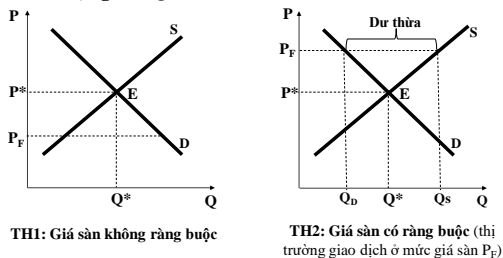
Giá thị trường của một hàng hóa nào đó đang thấp và gây bất lợi cho người bán.

Ví dụ giá nông sản...

→ Mục tiêu bảo vệ cho lợi ích của người bán

## 6.1.2 Chính sách giá sàn (tiếp)

### b. **Tác động của giá sàn:**

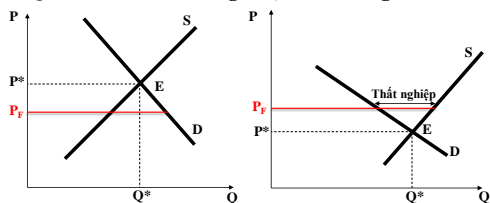


Hình 6.3: Thị trường với giá sàn

## 6.1.2 Chính sách giá sàn (tiếp)

10

### □ c. Nghiên cứu tình huống: luật tiền lương tối thiểu



Ảnh hưởng của tiền lương tối thiểu tới thị trường lao động chất lượng cao

Ảnh hưởng của tiền lương tối thiểu tới thị trường lao động chất lượng thấp

Hình 6.4: Tiền lương tối thiểu ảnh hưởng tới thị trường lao động

## Kết luận: giá trần và giá sàn

11

- Các nhà kinh tế thường phân đối việc sử dụng các chính sách kiểm soát giá.
- Mục tiêu của các chính sách kiểm soát giá là hỗ trợ cho các lực lượng yếu thế trên thị trường hay người nghèo.
- Các chính sách kiểm soát giá thường làm tổn hại đến chính các đối tượng mà chính sách muốn trợ giúp.



## 6.2 Chính sách thuế (Tax)

12

### 6.2.1 Thuế đánh vào người bán

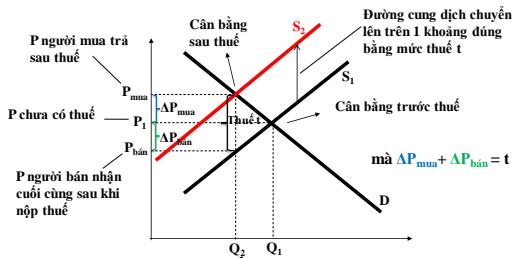
### 6.2.2 Thuế đánh vào người mua

### 6.2.3 Hệ số co giãn và sự phân chia gánh nặng thuế

## 6.2.1 Thuế đánh vào người bán

13

Thuế xuất  $t$  (đơn vị tiền tệ/đơn vị hàng hoá – Ví dụ:  $t = \$0,5/\text{sản phẩm}$ )

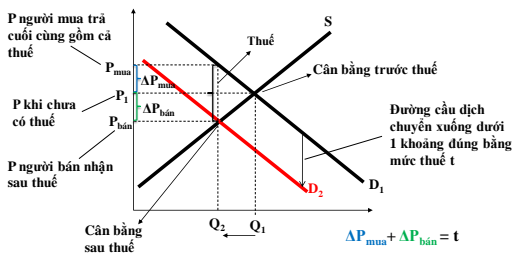


Hình 6.5: Thuế đánh vào người bán

## 6.2.2 Thuế đánh vào người mua

14

Thuế xuất  $t$  (đơn vị tiền tệ/đơn vị hàng hoá – Ví dụ:  $t = \$0,5/\text{sản phẩm}$ )



Hình 6.6: Thuế đánh vào người mua

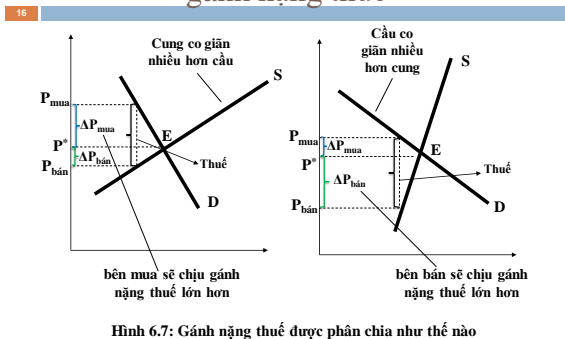
## Nhận xét tác động của thuế:

15

- Kết cục của thị trường trong hai trường hợp thuế đánh vào người bán và người mua là như nhau:
  - ▣ Cả hai trường hợp thuế đều làm thu hẹp quy mô thị trường (lượng cân bằng mới sau thuế giảm so với trước thuế).
  - ▣ Cả hai trường hợp sau thuế giá người mua phải trả đều cao hơn, giá người bán nhận cuối cùng đều thấp hơn trước thuế.

➔ Người mua và người bán cùng chia sẻ gánh nặng thuế trong cả hai trường hợp.

## 6.2.3 Hệ số co giãn và sự phân chia gánh nặng thuế



## 6.2.3 Hệ số co giãn và sự phân chia gánh nặng thuế (tiếp)

□ Lý do gánh nặng thuế nghiêng về bên thị trường ít co giãn hơn:

- $E_{DP}$  và  $E_{SP}$  phản ánh mức độ phản ứng của lượng cầu và lượng cung trước những thay đổi của giá cả → phản ánh sự sẵn sàng rời bỏ thị trường khi có các điều kiện bất lợi về giá cả → bên thị trường ít nhạy cảm hơn với sự thay đổi của giá cả sẽ chịu gánh nặng thuế nhiều hơn.



## 6.3 Chi phí xã hội của thuế

### 6.3.1 Chi phí xã hội của việc đánh thuế

### 6.3.2 Yếu tố quyết định quy mô khoản mất không

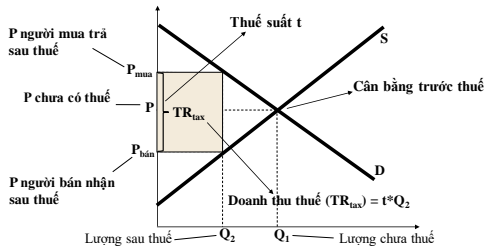
### 6.3.3 Mối quan hệ giữa thuế, khoản mất không và nguồn thu từ thuế

### 6.3.1 Chí phí xã hội của việc đánh thuế

19

#### a. Doanh thu thuế ( $TR_{tax}$ ):

▣ Là tổng số tiền thuế thu được của chính phủ ( $TR_{tax} = t \cdot Q$ ).

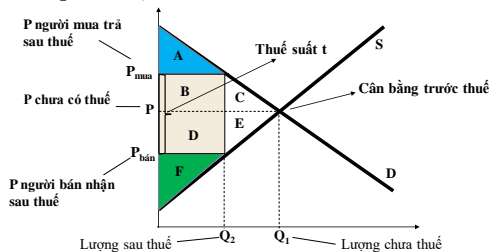


Hình 6.8: Doanh thu thuế của chính phủ

### 6.3.1 Chí phí xã hội của việc đánh thuế (tiếp)

20

#### b. Chí phí xã hội của thuế:



Hình 6.9: Thuế tác động tới phúc lợi như thế nào

#### b. Chí phí xã hội của thuế (tiếp):

Bảng 6.1: Những thay đổi trong phúc lợi do thuế gây ra

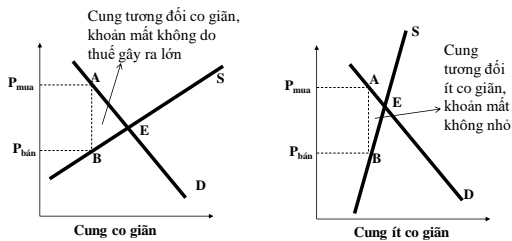
	Chưa có thuế	Có thuế	Mức thay đổi
Thặng dư tiêu dùng (CS)	A+B+C	A	-(B+C)
Thặng dư sản xuất (PS)	D+E+F	F	-(D+E)
Doanh thu thuế ( $TR_{thuế}$ )	0	B+D	B+D
Tổng thặng dư (TS)	A+B+C+D+E+F	A+B+D+F	-(C+E)

Sự suy giảm trong tổng thặng dư phát sinh khi một khoản thuế làm biến dạng kết cục thị trường được gọi là **khoản mất không**.

### 6.3.2 Yếu tố quyết định quy mô khoản mất không

22

- Đồ thị bên trái có cung co giãn theo giá hơn đồ thị bên phải

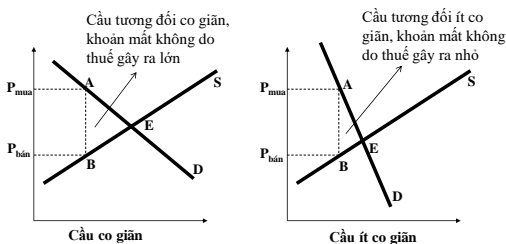


Hình 6.10 (a): Mối quan hệ giữa khoản mất không do thuế và hệ số co giãn

### 6.3.2 Yếu tố quyết định quy mô khoản mất không (tiếp)

23

- Đồ thị bên trái có cầu co giãn theo giá hơn đồ thị bên phải

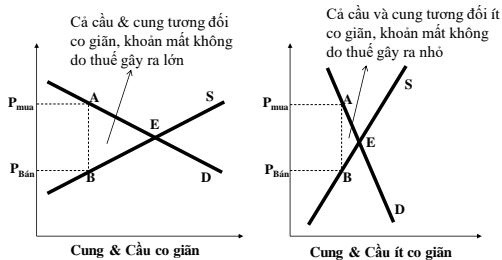


Hình 6.10 (b): Mối quan hệ giữa khoản mất không do thuế và hệ số co giãn

### 6.3.2 Yếu tố quyết định quy mô khoản mất không (tiếp)

24

- Đồ thị bên trái có cả cung và cầu đều co giãn theo giá hơn



Hình 6.10 (c): Mối quan hệ giữa khoản mất không do thuế và hệ số co giãn



## Nhận xét và giải thích:

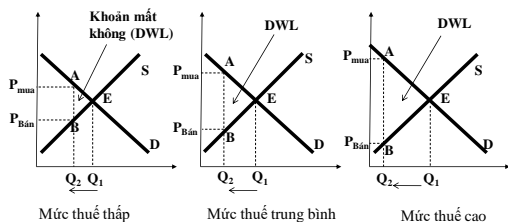
25

- Khi chính phủ đánh thuế vào một thị trường, hệ số co giãn của cầu và cung theo giá ( $E_{DP}$  và  $E_{SP}$ ) càng lớn thì khoản mất không do thuế gây ra càng lớn.
- Lý do:
  - Sau thuế giá người mua trả cao hơn → tiêu dùng ít hơn.
  - Sau thuế giá người bán nhận thấp hơn → sản xuất ít hơn.
  - $E_{DP}$  và  $E_{SP}$  cho chúng ta biết mức độ phản ứng của cầu và cung khi giá hàng hóa thay đổi →  $E_{DP}$  và  $E_{SP}$  càng lớn thì người mua hay người bán càng dễ dàng rời bỏ thị trường khi thuế làm xuất hiện các điều kiện bất lợi về giá cả → Khoản mất không càng lớn.

### 6.3.3 Mối quan hệ giữa thuế, khoản mất không và nguồn thu từ thuế

26

- a. Mối quan hệ giữa thuế suất và khoản mất không:



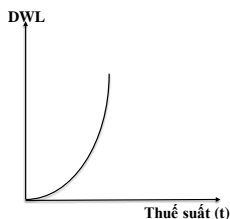
Hình 6.11: Thuế suất ( $t = AB$ ) và khoản mất không (DWL)

### 6.3.3 Mối quan hệ giữa thuế, khoản mất không và nguồn thu từ thuế

27

- a. Mối quan hệ giữa thuế suất và khoản mất không (tiếp):

- Khoản mất không (DWL) tăng nhanh hơn mức tăng của thuế suất (t).
- Mức tăng của khoản mất không bằng bình phương mức tăng của thuế suất:  $\Delta DWL = (\Delta t)^2$



## Chứng minh công thức $\Delta DWL = (\Delta t)^2$

Ta có:  $AB = t_1$  và  $CD = t_2$  với  $t_2 = 2t_1$

### Chứng minh:

Với  $AB = t_1$ ;  $CD = t_2$  và  $t_2 = 2t_1$

$\Rightarrow CD = 2AB$

Ta có  $DWL_1 = S\triangle EAB = \frac{1}{2} AB \cdot EH_1$

$DWL_2 = S\triangle ECD = \frac{1}{2} CD \cdot EH_2$

Ta lại có  $\triangle ABE$  và  $\triangle CDE$  là 2 tam giác đồng dạng (định lý Talet)

$\Rightarrow EH_2 = 2EH_1$

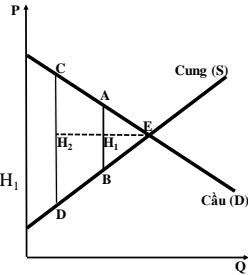
$S\triangle ECD = \frac{1}{2} CD \cdot EH_2 = \frac{1}{2} \cdot 2AB \cdot 2EH_1$

$= 2 \cdot \frac{1}{2} AB \cdot EH_1$

$= 2 S\triangle EAB$

Hay  $DWL_2 = 2^2 DWL_1 = 4 DWL_1$

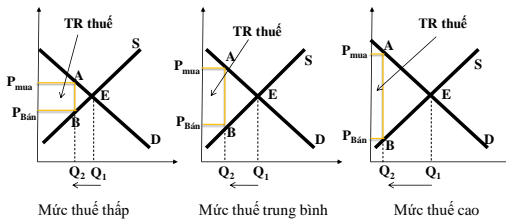
28



## 6.3.3 Mối quan hệ giữa thuế, khoản mất không và nguồn thu từ thuế (tiếp)

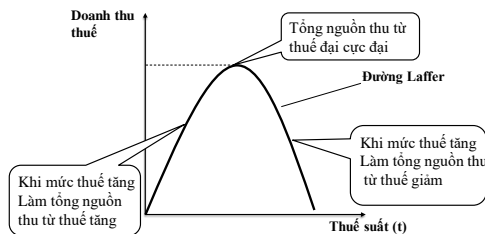
29

### □ b. Mối quan hệ giữa thuế suất và doanh thu thuế:



Hình 6.12: Thuế suất ( $t = AB$ ) và doanh thu thuế (TR thuế)

### □ b. Mối quan hệ giữa thuế suất và doanh thu thuế (tiếp):



Ban đầu doanh thu thuế tăng khi thuế suất tăng nhưng khi thuế suất liên tục tăng lên tiếp thì doanh thu thuế giảm do quy mô thị trường bị thu hẹp quá nhiều.

30

## Kết luận: Chi phí xã hội của thuế

31

- Thuế gây ra khoản mất không.
- Quy mô khoản mất không khi chính phủ đánh thuế vào một thị trường phụ thuộc vào hệ số co giãn của cung và cầu theo giá ( $E_{SP}$  và  $E_{DP}$ ).
- Thuế suất càng lớn thì khoản mất không càng lớn.
- Ban đầu doanh thu thuế tăng cùng với quy mô của thuế, nhưng mức thuế cao hơn làm giảm nguồn thu từ thuế vì nó làm giảm quy mô thị trường.

---

---

---

---

---

---

---